

## 1 - Giới thiệu JQuery CDN

Jquery là một thư viện của Javascript.

Jquery cung cấp sự đơn giản khi viết mã Javascript.

Học JQuery khá dễ dàng.

Bạn cần đưa thư viện JQuery vào trong mã HTML để sử dụng được thư viện này .

Cách nhanh nhất là sử dụng JQuery CDN.

```
<script  
  src="https://code.jquery.com/jquery-3.3.1.js"  
  integrity="sha256-2Kok7Mb0yxpGUvVak/HJ2jig0SYS2auK4Pfzbm7uH60=" "  
  crossorigin="anonymous"></script>
```

## 2 - Document ready

Jquery document ready cung cấp 1 cách để bạn đảm bảo tất cả các thành phần DOM ( thẻ html , ảnh ) được load hoàn thành mới thực thi code bên trong document ready.

Cú pháp của document ready

```
$(document).ready(function(){  
  
});
```

Ví dụ sử dụng document ready :

```
$(document).ready(function(){  
  $("p").click(function(){  
    $(this).hide();  
  });  
});
```

### 3 - Giới thiệu chung

## Các kiến thức cần chuẩn bị trước khi học JQuery :

HTML

CSS

Javascript

## Các tính năng của JQuery :

Thao tác với DOM/HTML

Thao tác với CSS

Các sự kiện event của thẻ HTML

Hiệu ứng và hoạt cảnh trong html

Ajax

Các tính năng khác

### 4 - Bộ chọn selector

Bạn có thể chọn 1 thẻ html , 1 id của thẻ html hay 1 class trong html và gắn các sự kiện cũng như hành động với bộ chọn selector đó.

## Cú pháp của bộ chọn :

```
$(selector)
```

## Ví dụ về bộ chọn là thẻ html

```
$('p')
```

```
$('a')
```

```
$('#div')  
$('#h1') ...
```

## Ví dụ về bộ chọn là 1 id của html

```
<a href="#" id="intro">Intro</a>
```

```
$('#a#intro')
```

## Ví dụ về bộ chọn là class của thẻ html

```
<p class="intro">Hello JQuery</p>
```

```
$('#a.intro')
```

Khi bạn muốn chọn 1 đối tượng ( thẻ html , class , id )  
nằm bên trong 1 đối tượng khác

=> Class

```
<p class="intro"><a href="" class="hello">Hello JQuery</a></p>
```

```
$('#.intro .hello')
```

=> ID

```
<p id="intro"><a href="" id="hello">Hello JQuery</a></p>
```

```
$('##intro #hello')
```

=> Thẻ html

```
<p><a href="">Hello JQuery</a></p>
```

```
$('#p a')
```

## 5 - Event

### Event là gì ?

Event là các hành động mà người dùng tạo ra như click, double click, di chuột vào , di chuột ra , nhấn bàn phím , scroll chuột hay các hành động của trình duyệt như load trang ...

## Các sự kiện chuột :

click ( nhấp chuột )

dblclick ( nhấp chuột đúp )

mouseenter ( di chuột vào đối tượng )

mouseleave ( di chuột ra khỏi đối tượng )

## Các sự kiện bàn phím :

keypress

keydown

keyup

## Các sự kiện form :

submit ( gửi dữ liệu đi ) ###

change ( thay đổi dữ liệu trong 1 input )

focus ( trở chuột vào 1 input để nhập dữ liệu )

## Các sự kiện của màn hình :

load ( tải trang )

resize ( thay đổi kích cỡ )

scroll ( kéo chuột lên xuống )

## Cú pháp của jquery cho xử lý sự kiện :

```
$(selector).event();  
=> $("p").click();  
=> $("#p#id").click();  
=> $("p.class").click();
```

```
$("p").dblclick();  
$("p").mouseenter();  
$("p").mouseleave();  
$("input").change();
```

Sau khi gắn 1 sự kiện với 1 selector trong jquery bạn cần thêm function để xử lý cho sự kiện đó :

```
$("p").click(function(){  
    // action goes here!!  
});
```

### 6 - Event 2

## Các phương thức event thường gặp :

### click()

Khi click chuột vào thẻ p thẻ p đó sẽ bị ẩn đi không hiển thị nữa

```
$("p").click(function(){  
    $(this).hide();  
});
```

### dblclick()

Khi click đúp vào thẻ p thẻ đó sẽ bị ẩn đi

```
$("p").dblclick(function(){  
    $(this).hide();  
});
```

### mouseenter()

Khi di chuột vào đối tượng có id #p1

```
$("#p1").mouseenter(function(){
    alert("You entered p1!");
});
```

## mouseleave()

Khi di chuột ra khỏi đối tượng

```
$("#p1").mouseleave(function(){
    alert("Bye! You now leave p1!");
});
```

## Phương thức on()

Phương thức on cho phép đính kèm 1 hay nhiều event cho 1 đối tượng .

```
$("#p").on("click", function(){
    $(this).hide();
});
```

```
$("#p").on({
    mouseenter: function(){
        $(this).css("background-color", "lightgray");
    },
    mouseleave: function(){
        $(this).css("background-color", "lightblue");
    },
    click: function(){
        $(this).css("background-color", "yellow");
    }
});
```

## 7 - JQuery show hide

### jQuery hide() and show()

Với JQuery, bạn có thể ẩn và hiện thẻ html với phương thức hide() hay show() :

```
$("#hide").click(function(){
    $("#p").hide();
});
```

```
$("#show").click(function(){  
    $("#p").show();  
});
```

Cú pháp :

```
$(selector).hide(speed,callback);
```

```
$(selector).show(speed,callback);
```

Speed có 3 giá trị : fast, slow hay mili giây

```
$("#button").click(function(){  
    $("#p").hide(1000);  
});
```

```
$("#button").click(function(){  
    $("#p").hide('fast');  
});
```

```
$("#button").click(function(){  
    $("#p").hide('slow');  
});
```

## 8 - JQuery fade

jQuery fadeIn() Method The jQuery fadeIn() được sử dụng để fade một đối tượng đang bị ẩn. Cú pháp :

```
$(selector).fadeIn(speed,callback);
```

Tùy chọn speed có 3 giá trị fast, slow, mili giây Ví dụ :

```
$("#button").click(function(){  
    $("#div1").fadeIn();  
    $("#div2").fadeIn("slow");  
    $("#div3").fadeIn(3000);  
});
```

The jQuery fadeOut() được sử dụng để hiện 1 đối tượng đang ẩn. Cú pháp :

```
$(selector).fadeOut(speed,callback);
```

Speed có 3 giá trị : fast , slow , mili giây Ví dụ :

```

$("button").click(function(){
    $("#div1").fadeOut();
    $("#div2").fadeOut("slow");
    $("#div3").fadeOut(3000);
});

```

## 9 - JQuery slide

Jquery Slide Phương thức này sẽ đưa đối tượng trượt lên hay trượt xuống. jQuery Sliding Methods Với jquery bạn có thể tạo hiệu ứng cho các thành phần trên trang JQuery có các phương thức slide sau : slideDown() slideUp() slideToggle() The jQuery slideDown() method được sử dụng để trượt đối tượng xuống dưới Cú pháp :

```
$(selector).slideDown(speed,callback);
```

Tùy chọn tham số tốc độ của slide chỉ rõ thời gian hoạt động của hiệu ứng. Bạn có thể đưa các giá trị sau : "slow", "fast", or milli giây. Tùy chọn callback là 1 hàm cho phép thực thi sau khi slide được thực hiện xong Ví dụ của slideDown()

```

$("#flip").click(function(){
    $("#panel").slideDown();
});

```

jQuery slideUp() Method The jQuery slideUp() method được sử dụng để trượt lên 1 thành phần trong trang html Cú pháp

```
$(selector).slideUp(speed,callback);
```

Tùy chọn tốc độ có 3 giá trị sau : "slow", "fast", or milliseconds.

Tùy chọn callback là 1 hàm cho phép được thực thi sau khi slide hoàn thành

Ví dụ slideUp()

```

$("#flip").click(function(){
    $("#panel").slideUp();
});

```

## 10 - JQuery effect animation

The jQuery animate() method cho phép bạn tạo ra một hoạt động tùy biến (custom animation) trên trang jQuery Animations - The animate() Method Cú pháp

```
$(selector).animate({params}, speed, callback);
```

Ví dụ :



```
$("#button").click(function(){  
    $("#div").animate({left: '250px'});  
});
```

Ví dụ 2 :

```
$("#button").click(function(){  
    $("#div").animate({  
        left: '250px',  
        opacity: '0.5',  
        height: '150px',  
        width: '150px'  
    });  
});
```

Ví dụ 3 :

```
$("#button").click(function(){  
    $("#div").animate({  
        left: '250px',  
        height: '+=150px',  
        width: '+=150px'  
    });  
});
```